| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BÀ RỊA - V** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 05/3/2019
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và tài sản chung"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - V

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Bắc
- *Các thẩm phán:* Ông Đ1 Ngọc Thiện
  Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hồ Hạnh Nguyên – cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - V.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – V tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – V, mở phiên toà phúc thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2018/TLPT-HNGĐ ngày 03/12/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và tài sản chung", do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 117/2018/HNGĐ-ST ngày 10/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2019/QĐ-PT ngày 14/02/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1988
Hộ khẩu thường trú: 44, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – V.
Địa chỉ hiện nay: đường ĐL, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V. (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1988
Hộ khẩu thường trú: 44, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – V.
Địa chỉ hiện nay: phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: Đường 12, Khu phố A, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
3. 1. Ông Phạm Công Đ, sinh năm 1960
3. 2. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1963
Cùng địa chỉ: 13, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Kiên Giang. (đều có mặt)
3.3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981
3.4. Bà Đỗ Mai Thu H, sinh năm 1983
Cùng địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V. (vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.4. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1979

3.5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1934

3.6. Cháu Phạm Vân A, sinh năm 2002

3.7. Cháu Phạm Gia Đ, sinh năm 2009

Người giám hộ của cháu A và cháu Đ là mẹ ruột: Bà Phạm Thị H

Cùng địa chỉ: BG, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V. (vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.8. Bà Nghiêm Thùy D, sinh năm 1985

3.9. Ông Hoàng Vĩnh N, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: phườngT, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V. (vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.10. Bà Võ Thị Hồng N, sinh năm 1976

3.11. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V. (vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.12. Bà Vũ Thị A, sinh năm 1967

3.13. Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V. (vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

***Người kháng cáo:*** Bị đơn Nguyễn Văn C.

# NỘI DUNG VỤ ÁN:

**1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống từ năm 2012 tại nhà số Phường A, thành phố V; đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2012 ngày 16/5/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V. Ngay từ khi kết hôn, vợ chồng đã không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, xô xát, mâu thuẫn vì không hợp tính tình, quan điểm sống. Nay bà L xin ly hôn và ông C đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hoàng M (sinh ngày 19/02/2013) và Nguyễn Hoàng Anh T (sinh ngày 14/11/2016).

Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con vì các cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ; từ nay đến cuối năm 2020 ông C học tập trung tại Trường Đại học S (phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), ăn nghỉ trong trường, không có thời gian và điều kiện kinh tế để chăm sóc con. Bà yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/2con/tháng.

Ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng M, đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng Anh T cho bà L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung:

*Tài sản chung:* Ông bà thống nhất xác định có 01 căn nhà cấp 4 tại Phường A, thành phố V, xây dựng trên 97m$^2$ đất nông nghiệp cùng sử dụng với 5 người khác gồm ông Nguyễn Văn T, bà Nghiêm Thùy D, bà Võ Thị Hồng N, ông Phạm Quốc Đ,

bà Vũ Thị A, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI cấp ngày 27/6/2012 đứng tên ông Nghiêm Văn N; ông Nchuyển nhượng cho ông C, bà L theo hợp đồng lập ngày 08/7/2013 tại Văn phòng công chứng TN, tỉnh Bà Rịa – V và ông C đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trị giá tài sản theo Biên bản định giá ngày 16/7/2018 là 564.190.000 đồng. .

Ông C yêu cầu được sử dụng nhà đất để làm nơi thờ cúng tổ tiên và sẽ hoàn lại ½ giá trị căn nhà theo định giá cho bà L.

Bà L yêu cầu được sử dụng nhà đất để làm chỗ ở cho mình và các con. Nếu được giao nhà, bà sẽ nhận trách nhiệm trả toàn bộ nợ cho ông Đ, bà Phạm Thị V.

*Nợ chung:* Ông bà thống nhất có nợ bố mẹ ruột của bà L là ông Đ, bà Phạm Thị V 590.000.000 đồng và nợ bà Bùi Thị T (là dì ruột của ông C) 4,5 chỉ vàng 9999.

Ông bà đồng ý thanh toán nợ cho ông Đ1 và bà V1. Về khoản nợ bà T, Tòa án đã yêu cầu nhưng hết thời hạn cung cấp chứng cứ mà ông bà vẫn không cung cấp được địa chỉ của bà T để đưa bà T vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Ngoài ra, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung nào khác.

**2. Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Đ1 và bà Phạm Thị V1 có yêu cầu độc lập: Ông bà là cha mẹ ruột của bà L, có cho ông C và bà L mượn 3 lần tiền tổng cộng 590.000.000 đồng để mua đất, làm nhà và để ông C đi học. Nay bà L và ông C ly hôn, ông bà yêu cầu trả toàn bộ số tiền trên.

+ Vợ chồng ông Nguyễn Văn T bà Đỗ Mai Thu H, vợ chồng bà Nghiêm Thùy D ông Hoàng Vĩnh N, vợ chồng bà Võ Thị Hồng N ông Nguyễn Thành T, vợ chồng bà Vũ Thị A ông Nguyễn Ngọc N, bà Phạm Thị H và bà Nguyễn Thị T (là vợ và mẹ ông Phạm Quốc Đ đã chết năm 2015) cùng thống nhất ý kiến như sau:

Năm 2012, ông T, bà D, bà N2, bà A, ông Đ và ông Nghiêm Văn N cùng mua chung và đứng tên đồng sử dụng 535m$^2$ đất nông nghiệp tại thửa 215, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại hẻm Phường A, thành phố V. Vợ chồng ông Nghiêm Văn N, bà Nghiêm Thị H chuyển nhượng phần đất mình được sử dụng trong thửa đất trên cho vợ chồng ông C, bà L bằng hợp đồng được công chứng ngày 08/7/2013 tại Phòng công chứng TN, tỉnh Bà Rịa – V; có sự ký tên đồng ý của các đồng sử dụng là ông T, bà N2, bà D, bà A, ông Đ trong hợp đồng. Ông C và bà L xây nhà trên toàn bộ phần đất đã nhận chuyển nhượng (theo Sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V lập ngày 15/8/2018) và ở trên nhà đất này cho đến nay, không có tranh chấp với các đồng sử dụng khác. Các ông bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này và xin được giải quyết vắng mặt.

+ Đối với bà Bùi Thị T: Tại biên bản hòa giải ngày 07/6/2018, ông C và bà L xác nhận có vay của bà Bùi Thị T (dì ruột ông C) 4,5 chỉ vàng 9999. Tòa án đã yêu cầu nhưng hết thời hạn cung cấp chứng cứ mà ông C, bà L vẫn không cung cấp được thông tin, địa chỉ của bà T nên Tòa án không có cơ sở để đưa bà T vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 117/2018/HNGĐ-ST ngày 10/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V đã áp dụng các Điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L, yêu cầu độc lập của ông Đ và bà Phạm Thị V1; ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà L, ông C và ông Đ1, bà V1 tại phiên tòa; tuyên xử: Bà L và ông C được ly hôn; giao 02 con chung là các cháu Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Hoàng Anh T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/02con/01 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; bà L được quyền sử dụng, định đoạt đối với nhà và đất tọa lạc tại số Phường A, thành phố V theo quy định của Luật Đất đai và chính sách sử dụng đất đai của địa phương, trả cho ông Đ1 và bà V1 590.000.000 đồng, thanh toán lại cho ông C 55.000.000 đồng là giá trị phần chia tài sản chung còn lại sau khi thanh toán nợ chung; ông C giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI cấp ngày 27/6/2012 cho bà L để bà L thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền thăm nom, chăm sóc con chung, quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con, án phí, chi phí đo đạc định giá, quyền kháng cáo, yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ phát sinh từ việc chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2018, bị đơn Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 117/2018/HNGĐ-ST ngày 10/9/2018 của Tòa án nhân thành phố V về quyền nuôi con chung, chia tài sản chung; đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng để ông được quyền nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng M và định giá lại tài sản làm cơ sở để chia tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông C rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc định giá lại tài sản chung; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác liên quan đến việc giải quyết vụ án; thỏa thuận về con chung: Bà L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Anh T, ông C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; thống nhất xác định nhà đất là tài sản chung trị giá 700.000.000 đồng, nhưng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tài sản chung, nợ chung. Ông bà đều muốn mình là người được sử dụng, định đoạt đối với nhà đất, có trách nhiệm thanh toán nợ cho ông Đ1, bà V1 và phần giá trị được chia cho người còn lại.

**Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Về tố tụng*: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và những người tham gia tố tụng đã công khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung*: Ông C kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để chấp nhận; nhưng các đương sự có thỏa thuận về con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm theo hướng: Ghi nhận thỏa thuận của bà L và ông C mỗi người trực nuôi dưỡng một con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; bà L được quyền sử dụng, định đoạt nhà đất là tài sản chung, có trách nhiệm thanh toán 590.000.000 đồng cho ông Đ1, bà V1 và thanh toán lại 55.000.000 đồng cho ông C như án sơ thẩm đã tuyên.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – V;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn C đúng theo quy định pháp luật, và trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và chia tài sản chung với ông Nguyễn Văn C, được Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Văn C kháng cáo đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 117/2018/HNGĐ-ST ngày 10/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V. Căn cứ các Điều 38, 270, 271, 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – V.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa phúc thẩm, nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn T, Đỗ Mai Thu H, Phạm Thị H, Nguyễn Thị T, Phạm Vân A, Phạm Gia Đ, Nghiêm Thùy D, Hoàng Vĩnh N, Võ Thị Hồng N, Nguyễn Thành T, Vũ Thị A, Nguyễn Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

*[2.] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn C:*

[2.1.] Về quyền nuôi dưỡng con chung: Theo quyết định của cấp sơ thẩm, bà L được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, trong đó có cháu bé dưới 36 tháng tuổi; ông C cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông bà tự nguyện thỏa thuận, mỗi người nuôi dưỡng một con, và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là ý chí tự nguyện của các đương sự phù hợp pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần cho các con chung, nên cần ghi nhận.

[2.2.] Về yêu cầu định giá lại tài sản làm căn cứ giải quyết tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa, ông C tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo này, nên không xem xét nội dung kháng cáo yêu cầu định giá lại tài sản, chỉ xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung theo quy định của pháp luật.

[2.2.1.] Tài sản chung của bà L, ông C tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm một căn nhà cấp 4 xây dựng trên 97m$^2$ đất nông nghiệp tại địa chỉ Phường A, thành phố V và khoản nợ 590.000.000 đồng vay của ông Đ1, bà V1 sử dụng vào việc nhận chuyển

nhượng quyền sử dụng đất, xây dựng nhà cửa và chi phí cho ông C học hành. Biên bản định giá ngày 16/7/2018 ghi nhận tổng giá trị nhà đất là 564.190.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông C và bà L thống nhất về khoản nợ chung, xác định nhà đất trị giá 700.000.000 đồng và không thể chia bằng hiện vật được, nhưng ai cũng muốn là người được quyền sử dụng nhà đất, trả nợ và thanh toán phần được hưởng bằng tiền cho người còn lại.

[2.2.2.] Xét bà L là phụ nữ, nhận trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, đang ở ổn định tại nhà đất nói trên, có nhu cầu về nơi ở, nhận trách nhiệm và được chủ nợ là bố mẹ ruột của mình đồng ý tạo điều kiện trong việc thanh toán khoản nợ chung của vợ chồng đã sử dụng vào việc tạo lập chính nhà đất này, nên quyết định giao cho bà L quyền tiếp tục sử dụng, định đoạt nhà đất, đồng thời có nghĩa vụ trả nợ 590.000.000 đồng và thanh lại cho ông C 55.000.000 đồng; ông C có nghĩa vụ giao giấy tờ liên quan đến nhà đất cho bà L để hoàn tất thủ tục như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, đúng theo quy định của pháp luật.

Qua phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C về phần chia tài sản chung, nợ chung; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi con của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung liên quan đến quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, án phí sơ thẩm liên quan đến việc cấp dưỡng nuôi con.

**[3.] Về án phí:** Ông Nguyễn Văn C kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 289, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

## QUYẾT ĐỊNH:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo về việc định giá lại tài sản của bị đơn Nguyễn Văn C.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn C về phân chia tài sản chung; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn Phạm Thị L và bị đơn Nguyễn Văn C về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 117/2018/HNGĐ–ST ngày 10/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – V.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 38, 270, 271, 293; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 296; các Điều 47, 148, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L; yêu cầu độc lập của ông Đ và bà Phạm Thị V1.

1. *Về hôn nhân*: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn C được ly hôn.

2. *Về con chung*: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng M (sinh ngày 19/02/2013) và cháu Nguyễn Hoàng Anh T (sinh ngày 14/11/2016).

Giao cháu Nguyễn Hoàng M cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hoàng Anh T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Ông C, bà L được quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con; cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*:

Bà Phạm Thị L được quyền sử dụng, định đoạt đối với nhà và 97m$^2$ đất nông nghiệp tọa lạc tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – V. (Đất cùng sử dụng với ông Nguyễn Văn T, bà Nghiêm Thùy D, bà Võ Thị Hồng N, ông Phạm Quốc Đ, bà Vũ Thị A, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI cấp ngày 27/6/2012 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập và công chứng tại Văn phòng công chứng TN, tỉnh Bà Rịa – V ngày 08/7/2013 giữa ông Nghiêm Văn N, bà Nghiêm Thị H với ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị L) (kèm theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V lập ngày 15/8/2018).

Việc sử dụng, định đoạt nhà đất được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và chính sách sử dụng đất đai của địa phương.

Ông C có trách nhiệm giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI cấp ngày 27/6/2012 cho bà L để bà L thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

- Bà Phạm Thị L có trách nhiệm trả cho ông Đ và bà Phạm Thị V1 khoản nợ 590.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi triệu đồng); thanh toán cho ông Nguyễn Văn C 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) là phần hưởng từ giá trị tài sản chung còn lại sau khi thanh toán nợ chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. <u>*Chi phí đo vẽ, định giá*</u>: Bà Phạm Thị L tự nguyện chịu 7.451.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn đồng), và đã nộp xong.

5. <u>*Án phí sơ thẩm:*</u>

Bà Phạm Thị L nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố V theo biên lai thu số 0002347 ngày 29/5/2018, nên đã nộp xong.

Bà Phạm Thị L tự nguyện nộp 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong việc chia tài sản chung, được khấu trừ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V theo biên lai thu số 0002375 ngày 31/5/2018, nên bà L tiếp tục nộp 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Ông Đ và bà Phạm Thị V1 không phải chịu án phí, được nhận lại 13.800.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu số 0003359 ngày 20/6/2018.

6. *Án phí phúc thẩm*:

Ông Nguyễn Văn C nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu số 0005727 ngày 16/10/2018, nên đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (05/3/2019).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Bắc**

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – V;
- Tòa án nhân dân thành phố V;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (3): NV, Tòa Dân sự, hồ sơ.